

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 123/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 09/11/2020

V/v “Tranh chấp Hôn nhân
và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Cường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Huy Lợi

Ông Trần Đình Đường

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Ngọc Mạnh, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Năm – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 09/10/2020 và 09/11/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 115/2020/TLST- HNGĐ ngày 17/7/2020 về “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”,

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 115/2020/QĐXX-ST ngày 08/9/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị H. Sinh năm 1992. Có mặt.

Trú tại: xóm Đột T, xã Nghĩa Xuân, huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An.

Bị đơn: Anh Vi Văn K. Sinh năm 1988.

Địa chỉ HKTT trước khi xuất cảnh: Xóm 1, xã Nghĩa D, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An; hiện đang trú tại: Đài Loan. Anh Vi Văn K - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/5/2020, bản tự khai và tại phiên tòa chị Trần Thị H trình bày: Chị H và anh Vi Văn K kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn ngày 17/12/2010, tại UBND xã Nghĩa D, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn hai vợ chồng về chung sống với bố mẹ anh K tại xóm 1, xã Nghĩa D, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đã có con chung là cháu Vi Nhật Q, sinh ngày 07/10/2011.

Đến cuối năm 2016, anh Vi Văn K đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, sau khi anh K đi chị H về sống với bố mẹ đẻ tại xã Nghĩa Xuân, huyện Quỳnh Hợp. Đời sống vợ chồng xa cách, thời gian đầu anh K có gửi tiền về cho vợ con, từ cuối năm 2018 đến nay, anh K không gửi tiền về cho vợ con nữa. Tháng 5/2019, anh K có về nước nhưng vợ chồng cũng ít qua lại, trò chuyện với nhau, sau đó anh K tiếp tục sang Đài Loan từ tháng 6/2019 đến nay không về, cũng không gửi tiền về chăm sóc vợ con, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa, anh K không cùng chị đẻ xây dựng hạnh phúc gia đình, chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Vi Văn K.

Về con chung: Chị Trần Thị H và anh Vi Văn K có một con chung là cháu Vi Nhật Q, sinh ngày 07/10/2011. Nay ly hôn chị H muốn được tiếp tục trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng.

Về tài sản: Chị Trần Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn, anh Vi Văn K: Sau khi thụ lý, Tòa án đã gửi, niêm yết các văn bản tố tụng; Thông báo thụ lý vụ án, Công văn đề nghị gia đình anh K cung cấp thông tin, địa chỉ của anh K ở nước ngoài, Quyết định đưa vụ án ra xét xử; tiến hành xác minh đối với người thân của anh K và xác minh tại địa phương. Kết quả xác minh tại địa phương, anh Vi Văn K có hộ khẩu tại xã Nghĩa D, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An, đã đi nước ngoài, hiện không sinh sống tại địa phương. Mẹ của anh Vi Văn K là bà Hà Thị T cho biết: Anh K đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan từ năm 2017 đến nay chưa về, thỉnh thoảng anh K có gọi điện về cho bà thông báo tình hình công việc, cuộc sống tại Đài Loan, nhưng bà không biết địa chỉ cụ thể của anh K ở nước ngoài. Bà đã nhận được Thông báo thụ lý và văn bản của Tòa án yêu cầu cung cấp thông tin, địa chỉ của anh K hiện nay, nhưng bà không biết và không có giấy tờ gì chứng minh địa chỉ cụ thể của anh K tại Đài Loan để cung cấp cho Tòa án. Về yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị H, bà T cho biết anh K cũng đã biết và anh K đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị H vì hiện nay chị H đã mang thai con của người khác. Về con chung của vợ chồng, bà T cho biết ý kiến của anh K là do hiện nay anh đang ở nước ngoài nên đề nghị giao cháu Q cho chị H nuôi, sau này anh về nước thì cháu ở với bố hay mẹ thì tùy cháu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Việc thu thập chứng cứ đầy đủ, đúng quy định, nguyên đơn thực hiện đúng quy định tố tụng đảm bảo quyền lợi của mình. Bị đơn anh Vi Văn K đã được

Tòa án niêm yết các văn bản tố tụng nhưng anh không có ý kiến về giải quyết vụ án và không có mặt tại phiên tòa.

Về nội dung: Trong thời kỳ hôn nhân giữa chị H và anh K đang tồn tại nhưng chị H có quan hệ và có thai với người đàn ông khác là vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng được quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì vậy, lý do chị H xin ly hôn anh K do anh K không có trách nhiệm với vợ con, tình cảm không còn nhưng chị H không chung thủy vì thế lý do chị H đưa ra không phù hợp với căn cứ cho ly hôn được quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Mục 8 Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn xin ly hôn của chị H. Về con cái, tài sản: Do không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H nên không xem xét, giải quyết. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị H phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án; trình bày của đương sự được thẩm tra tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án anh Vi Văn K vắng mặt, Tòa án đã thực hiện việc niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ đối với anh K. Mẹ anh Vi Văn K là bà Hà Thị T cho biết anh K đi xuất khẩu tại Đài Loan nhưng không biết địa chỉ hiện tại của anh K nên không cung cấp được cho Tòa án. Kết quả xác minh tại địa phương, anh Vi Văn K có hộ khẩu tại xã Nghĩa D, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An, đã đi nước ngoài, hiện không sinh sống tại địa phương. Tòa án đã niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ hai lần nhưng anh K vắng mặt không có lý do. Vụ án thuộc trường hợp không thể hòa giải được theo khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Vi Văn K.

[2]. Về hôn nhân: Tại phiên tòa, chị Trần Thị H giữ nguyên nội dung khởi kiện, yêu cầu được ly hôn anh Vi Văn K. Xét thấy, chị Trần Thị H và anh Vi Văn K tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định. Sau một thời gian chung sống hạnh phúc, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không cùng chăm sóc xây dựng gia đình. Hiện tại mỗi người sống một nơi, anh K không quan tâm đến vợ con, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau cả về tinh thần và vật chất. Chị H trình bày hiện chị đang mang thai tháng thứ 8 nhưng không phải con của anh K mà con của người đàn ông khác. Bà Hà Thị T

(mẹ anh K) cũng trình bày chị H hiện đã có người đàn ông khác và nay đang mang thai không phải con của anh K.

Căn cứ, tài liệu xác minh về xuất nhập cảnh, xác minh tại chính quyền địa phương và bà Hà Thị T là mẹ đẻ của anh Vi Văn K, lời khai của đương sự thì từ tháng 6/2019 đến nay anh K không về nước, vợ chồng cũng không thực hiện các biện pháp hỗ trợ y tế về sinh sản do đó có đủ cơ sở để xác định chị H không phải mang thai con anh K. Như vậy, trong thời kỳ hôn nhân giữa anh K và chị H, chị H có quan hệ tình cảm và mang thai với người khác là vi phạm quy định của Luật hôn nhân và gia đình, vi phạm quy phạm đạo D xã hội. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tại phiên tòa về việc chị H vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng được quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 là có cơ sở.

Tuy nhiên xét, trong quan hệ hôn nhân giữa anh K và chị H, hiện nay cả hai đều không còn chung mục đích hôn nhân, không còn quan tâm đến nhau cả về tình cảm và vật chất, không cùng nhau xây dựng gia đình. Anh K đã từ lâu không liên lạc về với chị H, không gửi tiền cùng chăm sóc gia đình. Chị H đã mang thai con người khác. Bà Hà Thị T mẹ anh K cũng cho biết anh K đã biết việc chị H xin ly hôn và anh K cũng đồng ý ly hôn, đồng ý giao con chung là cháu Vi Nhật Q cho chị H nuôi dưỡng, đến khi anh K về nước thì cháu K muốn ở với ai thì tùy cháu.

Do đó có cơ sở để xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị H. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho chị Trần Thị H và anh Vi Văn K được ly hôn.

[3]. Về nuôi con chung: Chị Trần Thị H và anh Vi Văn K có con chung là cháu Vi Nhật Q. Cháu Q do chị H nuôi dưỡng, chăm sóc từ nhỏ, hiện chị H đang nuôi con và yêu cầu tiếp tục được trực tiếp nuôi con; cháu Q cũng có nguyện vọng được ở với mẹ, trong khi anh K đang ở nước ngoài và không có ý kiến gì. Vì vậy, cần giao cháu Vi Nhật Q cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, chị H không yêu cầu và anh K cũng chưa có ý kiến nên Tòa án chưa xem xét. Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4] Tài sản chung và nợ chung: Hiện tại chị Trần Thị H chưa yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Vi Văn K cũng chưa có ý kiến gì nên Tòa án chưa có cơ sở xem xét. Các đương sự có quyền khởi kiện sau khi ly hôn.

[5]. Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 207; khoản 3 Điều 208; Điều 147; điểm a khoản 5 Điều 477; khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự và các Điều 53, 56, 58 Luật hôn nhân và gia đình:

Tuyên xử:

[1] Về hôn nhân: Cho chị Trần Thị H được ly hôn với anh Vi Văn K.

[2] Về con chung:

[2.1] Giao con chung cháu Vi Nhật Q, sinh ngày 07/10/2011 cho chị Trần Thị H nuôi dưỡng. Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[2.2] Cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Trần Thị H không yêu cầu và anh Vi Văn K cũng chưa có ý kiến nên Tòa án chưa xem xét.

[3] Tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Các đương sự có quyền khởi kiện sau khi ly hôn.

[4] Án phí: Chị Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An theo biên lai thu tiền số 0000055 ngày 17/7/2020.

[5] Quyền kháng cáo:

[5.1] Chị Trần Thị H có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

[5.2] Anh Vi Văn K có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự;
- UBND xã Nghĩa D;
- Lưu HSVA. TGD.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quốc Cường